

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **22** /2026/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày **20** tháng **5** năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và phù hợp với pháp luật về đầu tư kinh doanh

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và phù hợp với pháp luật về đầu tư kinh doanh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường

“Thay thế cụm từ “theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này” tại đoạn đầu Điều 5 và khoản 3 Điều 8 bằng cụm từ “theo quy định của pháp luật”.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN)

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 13 như sau:

“3. Thời hạn hiệu lực



a) Thời hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu và quyết định điều chỉnh thời hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu là mười (10) năm kể từ ngày ký;

b) Thời hạn hiệu lực của quyết định điều chỉnh đối với các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này lấy theo quyết định phê duyệt mẫu đã cấp gần nhất trước đó.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu

1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu gồm:

a) Công văn đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu, trong đó nêu rõ đề nghị điều chỉnh thời hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu hoặc các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

b) Các tài liệu liên quan đến nội dung đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

2. Xử lý hồ sơ điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu

a) Tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh và gửi trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Ủy ban);

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ theo quy định hoặc phải thực hiện việc phê duyệt mẫu mới, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban thông báo cho cơ sở những nội dung cần bổ sung, sửa đổi hoặc hướng dẫn việc phê duyệt mẫu mới.

c) Trường hợp hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban ban hành quyết định điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này đối với nội dung điều chỉnh.

3. Quyết định điều chỉnh và hồ sơ đề nghị điều chỉnh được lưu giữ theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Năng lực của tổ chức tư vấn

1. Được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng hoạt động trong lĩnh vực tư vấn xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng.

2. Có chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với phạm vi tư vấn, đang còn hiệu lực và được cấp bởi tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Có kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng (đã tư vấn cho ít nhất 10 tổ chức, doanh nghiệp xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng và được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật).

4. Thường xuyên có ít nhất 05 chuyên gia tư vấn thuộc biên chế chính thức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) có năng lực theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Năng lực của chuyên gia tư vấn

1. Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên.

2. Có chứng chỉ đào tạo về quản lý hành chính nhà nước chương trình tương đương ngạch chuyên viên trở lên hoặc chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoặc tốt nghiệp đại học chuyên ngành hành chính tại Học viện Hành chính Quốc gia.

3. Có chứng chỉ đào tạo về tư vấn xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định tại Chương IV Thông tư này.

4. Có tổng thâm niên công tác từ 03 năm trở lên (kể từ thời điểm tốt nghiệp đại học) và có kinh nghiệm tư vấn xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng (đã tham gia tư vấn chính cho ít nhất 05 tổ chức, doanh nghiệp xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng và đã được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật).”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Năng lực của chuyên gia tư vấn độc lập

1. Chuyên gia tư vấn độc lập là chuyên gia tư vấn không thuộc bất kỳ tổ chức tư vấn hoặc tổ chức chứng nhận nào, có năng lực theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Cán bộ, công chức có năng lực theo quy định tại Điều 9 Thông tư này có nhu cầu làm chuyên gia tư vấn độc lập phải được sự đồng ý bằng văn bản của lãnh đạo cơ quan nơi công tác (trường hợp là lãnh đạo cơ quan, phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan chủ quản cấp trên) và phải thực hiện theo quy định

chung của pháp luật về quản lý cán bộ, công chức, viên chức.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Năng lực của tổ chức chứng nhận

1. Được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng hoạt động trong lĩnh vực chứng nhận.

2. Đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Có kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng (đã thực hiện đánh giá chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng cho ít nhất 20 tổ chức, doanh nghiệp).

4. Thường xuyên có ít nhất 05 chuyên gia đánh giá thuộc biên chế chính thức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) có năng lực theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Năng lực của chuyên gia đánh giá

1. Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên.

2. Có chứng chỉ đào tạo về quản lý hành chính nhà nước chương trình tương đương ngạch chuyên viên trở lên hoặc chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoặc đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành hành chính tại Học viện Hành chính Quốc gia.

3. Có chứng chỉ đào tạo về đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định tại Chương IV Thông tư này.

4. Có tổng thâm niên công tác từ 05 năm trở lên (kể từ thời điểm tốt nghiệp đại học) và có kinh nghiệm đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng (đã thực hiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng với tư cách là trưởng đoàn đánh giá cho ít nhất 10 tổ chức, doanh nghiệp).”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Hồ sơ công bố năng lực tư vấn đối với tổ chức tư vấn

Tổ chức tư vấn có nhu cầu tham gia hoạt động tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, lập 01 bộ hồ sơ công bố năng lực gửi đến cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ tại tỉnh, thành phố nơi tổ chức tư vấn đặt địa chỉ trụ sở chính thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ công bố gồm:

1. Bản công bố năng lực tư vấn theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản sao chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Hồ sơ công bố năng lực tư vấn đối với chuyên gia tư vấn độc lập

Cá nhân có nhu cầu tham gia hoạt động tư vấn độc lập Hệ thống quản lý chất lượng đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, lập 01 bộ hồ sơ công bố năng lực gửi đến cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ tại tỉnh, thành phố nơi chuyên gia tư vấn độc lập đăng ký thường trú thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ công bố gồm:

1. Bản công bố năng lực tư vấn theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Hồ sơ công bố năng lực đánh giá đối với tổ chức chứng nhận

Tổ chức chứng nhận có nhu cầu tham gia hoạt động đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, lập 01 bộ hồ sơ công bố năng lực gửi đến cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ tại tỉnh, thành phố nơi tổ chức chứng nhận đặt địa chỉ trụ sở chính thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ công bố gồm:

1. Bản công bố năng lực đánh giá theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Xử lý hồ sơ công bố năng lực tư vấn, đánh giá

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp lệ, cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm ghi nhận việc tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực trên Bản công bố năng lực của tổ chức, cá nhân; trường hợp hồ sơ được nộp, tiếp nhận, xử lý trên môi trường điện tử thì việc ghi nhận được thực hiện bằng hình thức điện tử trên hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý hồ sơ hoặc trên bản điện tử của Bản công bố năng lực. Trường hợp không ghi nhận, tổ

chức, cá nhân được thông báo lý do bằng văn bản.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Điều chỉnh Bản công bố năng lực tư vấn, đánh giá

Việc điều chỉnh nội dung của Bản công bố năng lực tư vấn, đánh giá áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân thay đổi tên, địa chỉ liên lạc hoặc bổ sung, thay đổi chuyên gia tư vấn, chuyên gia đánh giá, được thực hiện như sau:

1. Tổ chức, cá nhân lập Bản công bố năng lực theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gửi đến cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ tại tỉnh, thành phố thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bản công bố năng lực hợp lệ, cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm ghi nhận việc tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực trên Bản công bố năng lực của tổ chức, cá nhân; trường hợp hồ sơ được nộp, tiếp nhận, xử lý trên môi trường điện tử thì việc ghi nhận được thực hiện bằng hình thức điện tử trên hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý hồ sơ hoặc trên bản điện tử của Bản công bố năng lực. Trường hợp không ghi nhận, tổ chức, cá nhân được thông báo lý do bằng văn bản.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, chuyên gia được tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực

1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập:

a) Được quyền tư vấn xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng đối với các cơ quan khi được yêu cầu;

b) Được thu chi phí hoạt động tư vấn theo thoả thuận và quy định chung của Bộ Tài chính;

c) Tổ chức tư vấn chỉ được cử các chuyên gia có năng lực theo quy định thực hiện tư vấn xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng đối với các cơ quan;

d) Thực hiện đầy đủ hoạt động tư vấn xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng đối với cơ quan theo hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia trên cơ sở:

- Quy định tại Điều 3 Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg và Điều 4 Thông tư này;

- Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố cho từng loại hình cơ quan tại địa phương và mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng do các Bộ, ngành công bố cho các cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc;

đ) Quá trình tư vấn tại cơ quan phải được thực hiện theo đúng thời gian, tiến độ trong kế hoạch tư vấn đã được hai bên thoả thuận, ký kết.

Sau mỗi lần tư vấn, chuyên gia tư vấn phải lập biên bản làm việc về các nội dung công việc đã thực hiện với sự xác nhận của hai bên.

Trường hợp cơ quan không thực hiện theo đúng kế hoạch tư vấn mà không có lý do xác đáng, tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập gửi báo cáo bằng văn bản về đơn vị chủ trì để xử lý;

e) Duy trì, nâng cao năng lực hoạt động tư vấn và thực hiện đúng quy định đối với tổ chức tư vấn đã công bố năng lực và được ghi nhận;

g) Trường hợp chuyên gia tư vấn đã được công bố năng lực nhưng không còn hoạt động trong tổ chức tư vấn, trong thời hạn 05 ngày làm việc, tổ chức tư vấn có trách nhiệm điều chỉnh Bản công bố năng lực theo quy định;

h) Chịu sự giám sát của đơn vị chủ trì khi thực hiện tư vấn xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành, địa phương khi cần thiết;

i) Định kỳ tháng 11 hằng năm, báo cáo tình hình hoạt động tư vấn theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức chứng nhận:

a) Được các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuê phối hợp kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan thuộc Bộ, ngành, địa phương (trong trường hợp Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thấy cần thiết);

b) Được thu chi phí khi các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuê phối hợp kiểm tra theo thỏa thuận và quy định chung của Bộ Tài chính;

c) Chỉ được cử các chuyên gia có năng lực theo quy định tiến hành đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng đối với các cơ quan;

d) Duy trì, nâng cao năng lực hoạt động đánh giá và thực hiện đúng quy định đối với tổ chức chứng nhận đã công bố năng lực và được ghi nhận;

đ) Trường hợp chuyên gia đánh giá đã được công bố năng lực nhưng không còn hoạt động trong tổ chức chứng nhận, trong thời hạn 05 ngày làm việc, tổ chức chứng nhận có trách nhiệm điều chỉnh Bản công bố năng lực theo quy định;

e) Định kỳ tháng 11 hằng năm, báo cáo tình hình hoạt động đánh giá theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Hủy bỏ Bản công bố năng lực tư vấn, đánh giá

1. Tổ chức, cá nhân bị hủy bỏ Bản công bố năng lực tư vấn, đánh giá khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị giải thể, phá sản hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hiện hành;

b) Không bảo đảm duy trì bộ máy tổ chức và năng lực đã được công bố theo quy định;

c) Vi phạm mang tính lặp lại có ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, các yêu cầu đối với tổ chức tư vấn, chứng nhận và quy trình tư vấn, đánh giá đã quy định;

d) Sử dụng thông tin giả mạo, sai sự thật để công bố năng lực tư vấn, đánh giá;

đ) Giả mạo hồ sơ, tài liệu tư vấn, đánh giá;

e) Không tuân thủ các yêu cầu, quy định về kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

g) Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.

2. Tổ chức, cá nhân bị hủy bỏ Bản công bố năng lực thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này chỉ được công bố lại năng lực tư vấn, đánh giá sau khi đã khắc phục đầy đủ vi phạm, đáp ứng quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, hoàn trả chi phí cho tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng theo quy định của pháp luật.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Năng lực của cơ sở đào tạo

1. Được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng đào tạo;

2. Có kế hoạch đào tạo; giáo trình đào tạo đã được Người đứng đầu cơ sở đào tạo phê duyệt và phù hợp với quy định tại Điều 29 và Điều 30 Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN;

3. Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với phạm vi đào tạo;

4. Có đủ số lượng giảng viên theo kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt, có năng lực như sau:

a) Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên;

b) Có chứng chỉ đào tạo về quản lý hành chính nhà nước chương trình tương đương ngạch chuyên viên trở lên hoặc chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoặc đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành hành chính tại Học viện Hành chính Quốc gia;

c) Ngoài các năng lực quy định tại điểm a, b khoản này, giảng viên đào tạo về tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng có tổng thâm niên công tác từ 05 năm trở lên (kể từ thời điểm tốt nghiệp đại học) và có kinh nghiệm tư vấn xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng (đã tham gia tư vấn chính cho ít nhất 10 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng và đã được chứng nhận, công bố); giảng viên đào tạo về đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng có tổng thâm niên công tác từ 07 năm trở lên và có kinh nghiệm đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng (đã thực hiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng với tư cách là trưởng đoàn đánh giá cho ít nhất 20 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp).”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Hồ sơ công bố năng lực đào tạo

Cơ sở đào tạo có nhu cầu đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng cho chuyên gia tư vấn, chuyên gia đánh giá, lập 01 bộ hồ sơ gửi đến cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ tại tỉnh, thành phố nơi cơ sở đào tạo đặt trụ sở chính thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ gồm:

1. Bản công bố năng lực đào tạo theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tài liệu về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với phạm vi đào tạo.

3. Kế hoạch đào tạo và 01 bộ giáo trình đào tạo được biên soạn phù hợp với quy định tại Điều 29 hoặc Điều 30 Thông tư này, đã được Người đứng đầu cơ sở đào tạo phê duyệt.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Xử lý hồ sơ công bố năng lực đào tạo

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp lệ, cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm ghi nhận việc tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực trên Bản công bố năng lực của cơ sở đào tạo; trường hợp hồ sơ được nộp, tiếp nhận, xử lý trên môi trường điện tử thì việc ghi nhận được thực hiện bằng hình thức điện tử trên hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý hồ sơ hoặc trên bản điện tử của Bản công bố năng lực. Trường hợp không ghi nhận, cơ sở đào tạo được thông báo lý do bằng văn bản.”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

“Điều 28. Điều chỉnh Bản công bố năng lực đào tạo

Việc điều chỉnh nội dung của Bản công bố năng lực đào tạo áp dụng trong trường hợp cơ sở đào tạo thay đổi tên, địa chỉ liên lạc, được thực hiện như sau:

1. Cơ sở đào tạo lập Bản công bố năng lực theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gửi đến cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ tại tỉnh, thành phố thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bản công bố năng lực hợp lệ, cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm ghi nhận việc tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực trên Bản công bố năng lực của cơ sở đào tạo; trường hợp hồ sơ được nộp, tiếp nhận, xử lý trên môi trường điện tử thì việc ghi nhận được thực hiện bằng hình thức điện tử trên hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý hồ sơ hoặc trên bản điện tử của Bản công bố năng lực. Trường hợp không ghi nhận, cơ sở đào tạo được thông báo lý do bằng văn bản.”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở đào tạo

1. Được tổ chức các khoá đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng, cấp chứng chỉ đào tạo theo Bản công bố năng lực đào tạo đã được ghi nhận.

2. Được thu chi phí đào tạo.

3. Tuân thủ chương trình đào tạo, nội dung đào tạo đã công bố và các quy định về đào tạo theo quy định của pháp luật.

4. Sử dụng đúng đội ngũ giảng viên theo hồ sơ công bố.

5. Lưu giữ đầy đủ hồ sơ đào tạo theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo kết quả đào tạo từng khoá trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức, giảng viên, trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ sở đào tạo có trách nhiệm thông báo về cơ quan tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực đào tạo để theo dõi, quản lý.”.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Hủy bỏ Bản công bố năng lực đào tạo

1. Cơ sở đào tạo bị hủy bỏ Bản công bố năng lực khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị giải thể, phá sản hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hiện hành;

b) Không bảo đảm duy trì bộ máy tổ chức và năng lực đã được công bố theo quy định;

c) Vi phạm mang tính lặp lại có ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, các yêu cầu đối với cơ sở đào tạo và quy trình cơ sở đào tạo đã quy định;

- d) Sử dụng thông tin giả mạo, sai sự thật để công bố năng lực đào tạo;
- đ) Giả mạo hồ sơ, tài liệu đào tạo;
- e) Không tuân thủ các yêu cầu, quy định về kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- g) Theo đề nghị của cơ sở đào tạo.

2. Cơ sở đào tạo bị hủy bỏ Bản công bố năng lực thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này chỉ được công bố lại năng lực đào tạo sau khi đã khắc phục đầy đủ vi phạm, đáp ứng quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, hoàn trả chi phí cho tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng theo quy định của pháp luật.”.

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 41 như sau:

“2. Quyết định việc thuê hoặc không thuê tư vấn để hướng dẫn xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo các nội dung công việc quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Trường hợp thuê tư vấn, cơ quan phải lựa chọn tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập đã công bố năng lực tư vấn và được ghi nhận;

4. Thường xuyên kiểm tra hiệu lực Bản công bố năng lực tư vấn của các tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong suốt quá trình tư vấn tại cơ quan;”.

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 42 như sau:

“2. Thường xuyên kiểm tra hiệu lực Bản công bố năng lực của các tổ chức chứng nhận trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong trường hợp Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuê tổ chức chứng nhận phối hợp kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan thuộc Bộ, ngành, địa phương;”.

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

“Điều 43. Nhiệm vụ của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố .

1. Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia là cơ quan đầu mối triển khai thực hiện Thông tư này, có nhiệm vụ quy định chi tiết các nội dung thực hiện trong quá trình tư vấn tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Quản lý, hướng dẫn và thực hiện tiếp nhận hồ sơ, ghi nhận, hủy bỏ Bản công bố năng lực tư vấn, đánh giá của tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận, Bản công bố năng lực đào tạo của cơ sở đào tạo theo quy

định tại Thông tư này;

b) Công bố công khai, cập nhật thông tin về các tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận, cơ sở đào tạo đã được ghi nhận, hủy bỏ Bản công bố năng lực trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện kiểm tra các hoạt động tư vấn, hoạt động đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng của các tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận; hoạt động đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng cho chuyên gia tư vấn, chuyên gia đánh giá của cơ sở đào tạo và xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.”.

Điều 4. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, phụ lục, mẫu biểu và văn bản quy phạm pháp luật

1. Bãi bỏ Điều 9, Điều 10, Điều 14 và các Mẫu 2, 3, 4, 5, 6 Phụ lục I, Mẫu 7 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường.

2. Bãi bỏ Điều 15 và Mẫu 5.ĐNGHPDM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

3. Bãi bỏ Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 26 và các Mẫu 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN.

4. Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 16 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu.

5. Bãi bỏ Điều 20, Điều 25 và Điều 26 Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

6. Bãi bỏ Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Bãi bỏ Điều 11, Điều 12 và Phần B Mục II, III, IV, V, VI, VII, VIII và các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20 tháng 6 năm 2025

của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

8. Bãi bỏ Thông tư số 26/2013/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về yêu cầu, trình tự và thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài thực hiện đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

9. Bãi bỏ Thông tư số 36/2014/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận, chuyên gia đánh giá, cơ sở đào tạo đã được Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá, đào tạo và thẻ chuyên gia trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tiếp tục được thực hiện hoạt động tư vấn, đánh giá, đào tạo cho đến hết thời hạn hiệu lực của Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia.

2. Cơ sở đào tạo chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý đã được cơ quan, người có thẩm quyền cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực thực hiện hoạt động đào tạo trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện hoạt động đào tạo theo phạm vi, thời hạn ghi trong Thông báo tiếp nhận.

3. Các quyết định phê duyệt mẫu đã được gia hạn theo quy định tại Điều 15 của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN được điều chỉnh nội dung theo khoản 2 Điều 2 Thông tư này theo đề nghị của cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ hợp lệ trước ngày Thông tư có hiệu lực thi hành được lựa chọn tiếp tục xử lý theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc chuyển sang thực hiện theo cơ chế công bố năng lực mới; cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm hướng dẫn, kế thừa thông tin, tài liệu đã nộp, không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại các thành phần hồ sơ đã có, nhằm bảo đảm thuận lợi, tránh phát sinh chi phí tuân thủ không cần thiết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật; Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; CSDL Quốc gia về VBQPPL;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, TĐC.

BỘ TRƯỞNG



Vũ Hải Quân

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số **22** /2026/TT-BKHCN
ngày **20** tháng **5** năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số 01	Bản công bố năng lực tư vấn/đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước
Mẫu số 02	Bản công bố năng lực đào tạo về tư vấn/đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước
Mẫu số 03	Báo cáo tình hình hoạt động tư vấn
Mẫu số 04	Báo cáo tình hình hoạt động đánh giá



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
NĂNG LỰC TƯ VẤN/ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001 ĐỐI VỚI CƠ QUAN,
TỔ CHỨC THUỘC HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
(Công bố lần thứ....)

Tên tổ chức/cá nhân:.....

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy đăng ký hoạt động số (nếu là tổ chức)...../Căn cước công dân (nếu là chuyên gia tư vấn độc lập):.....

1. (Tên tổ chức/cá nhân.....) công bố có đủ năng lực tư vấn/đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước theo nội dung chi tiết tại mục. *

Số tiếp nhận công bố lần thứ....ngày...tháng....năm.....cấp bởi. (tên cơ quan tiếp nhận). (nếu là công bố điều chỉnh)

2. Danh sách/Danh sách bổ sung chuyên gia tư vấn/đánh giá có đủ năng lực:

1	Họ và tên:				
	Ngày sinh:				
	Địa chỉ liên hệ:				
	Điện thoại, Fax, E-mail:				
1.1	Thông tin chung				
	Chức danh	Trình độ	Quyết định tuyển dụng/Hợp đồng lao động	Chứng chỉ được cấp	
				HTQLCL	QLHCNN
1.2	Quá trình công tác				
	Thời gian	Nhiệm vụ chuyên môn		Đơn vị công tác	
1.3	Kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn/đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng				
	Thời gian	Tổ chức,	Địa chỉ liên hệ,	Kết quả tư	Đơn vị chứng

		doanh nghiệp đã tư vấn/đánh giá	ĐT, Fax, người đại diện	vấn/đánh giá	nhận/tư vấn

3. Quá trình hoạt động tư vấn/đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức tư vấn/chứng nhận:

STT	Tên tổ chức, doanh nghiệp được tư vấn/đánh giá	Thuộc Bộ/ngành /tỉnh/thành phố	Địa chỉ liên hệ, ĐT, Fax, người đại diện	Thời gian tư vấn/đánh giá		Kết quả tư vấn/đánh giá	Đơn vị chứng nhận/tư vấn	Ghi chú
				Bắt đầu	Kết thúc			

4. Nội dung điều chỉnh khác (nếu có)

(Tên tổ chức/cá nhân)... xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của bản công bố này và cam kết thực hiện trong phạm vi, lĩnh vực hoạt động tư vấn/đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước và duy trì năng lực theo bản công bố này.

...(Tên cơ quan được giao)... tiếp nhận
bản công bố năng lực...
..., ngày...tháng...năm...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

..., ngày ... tháng năm
TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu
(nếu là tổ chức)

Số vào sổ tiếp nhận..... /năm/TNCB

Ghi chú:

(*) Tổ chức điền mục 1, 2, 3, 4. Chuyên gia tư vấn độc lập điền mục 1, 2.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
NĂNG LỰC ĐÀO TẠO VỀ TƯ VẤN, ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001 ĐỐI VỚI
CƠ QUAN, TỔ CHỨC THUỘC HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
(Công bố lần thứ....)

Tên cơ sở đào tạo:.....

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy đăng ký hoạt động số.....

1. Tên cơ sở đào tạo:..... công bố có đủ năng lực đào tạo về tư vấn/đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn/chuyên gia đánh giá thực hiện tư vấn/đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

Số tiếp nhận công bố lần thứ....ngày...tháng....năm.....cấp bởi. (tên cơ quan tiếp nhận). *(nếu là công bố điều chỉnh)*

2. Danh sách giảng viên có đủ năng lực:

1	Họ và tên:		Năm sinh:			
	Địa chỉ liên hệ:		Chức vụ, học hàm, học vị:			
	Đơn vị công tác:		Điện thoại, Fax, E-mail:			
1.1	Quá trình công tác					
	Quyết định tuyển dụng/Hợp đồng lao động	Trình độ (ghi rõ chuyên ngành đào tạo)	Kinh nghiệm nghề nghiệp (ghi rõ số năm công tác)	Giảng các chuyên đề	Chứng chỉ được cấp	
					HTQLCL	QLHCNN
1.2	Kinh nghiệm giảng dạy					
	Khóa đào tạo tham gia giảng dạy			Khóa đào tạo về kỹ năng sư phạm		
	Tên khóa đào tạo	Thời gian	Nội dung tham gia giảng dạy	Tên khóa đào tạo	Thời gian	Đơn vị tổ chức
1.3	Kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn/đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng					

	Thời gian	Tổ chức, doanh nghiệp đã tư vấn/đánh giá	Địa chỉ liên hệ, ĐT, Fax, người đại diện	Kết quả tư vấn/đánh giá	Đơn vị chứng nhận/tư vấn

3. Nội dung điều chỉnh khác (nếu có)

(*Tên cơ sở đào tạo*)... xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của bản công bố này và cam kết thực hiện trong phạm vi, lĩnh vực hoạt động đào tạo về tư vấn/đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn/chuyên gia đánh giá thực hiện tư vấn/đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước và duy trì năng lực theo bản công bố này.

*...Tên cơ quan được giao tiếp nhận
bản công bố năng lực...*

..., ngày...tháng...năm...

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

..., ngày ... tháng năm

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Số vào sổ tiếp nhận. /năm/TNCB

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN

(Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận)

1. Tên tổ chức tư vấn/chuyên gia tư vấn độc lập:.....
 2. Địa chỉ:.....
 3. Điện thoại: Fax: E-mail:.....
 4. Tình hình hoạt động tư vấn tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước:
...tên tổ chức tư vấn/chuyên gia tư vấn độc lập... báo cáo tình hình hoạt động tư vấn tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... như sau:
- a) Hoạt động tư vấn tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong kỳ báo cáo:

STT	Tên cơ quan được tư vấn	Thuộc Bộ/ngành /tỉnh/thành phố	Địa chỉ liên hệ, ĐT, Fax, người đại diện	Thời gian tư vấn	Chuyên gia tư vấn	Kết quả tư vấn	Ghi chú

- b) Hoạt động duy trì, nâng cao năng lực tư vấn trong kỳ báo cáo:
-

- c) Các thay đổi nếu có về tổ chức, nhân sự:
-

5. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có):
-

..., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ

(Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận)

1. Tên tổ chức chứng nhận:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại: Fax: E-mail:.....

4. Tình hình hoạt động đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước:

...tên tổ chức chứng nhận... báo cáo tình hình hoạt động đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... như sau:

a) Hoạt động đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong kỳ báo cáo:

STT	Tên cơ quan được đánh giá	Thuộc Bộ/ngành /tỉnh/thành phố	Địa chỉ liên hệ, ĐT, Fax, người đại diện	Thời gian đánh giá	Chuyên gia đánh giá	Kết quả đánh giá	Ghi chú

b) Hoạt động duy trì, nâng cao năng lực đánh giá trong kỳ báo cáo:

.....

c) Các thay đổi nếu có về tổ chức, nhân sự:

.....

5. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có):

.....

..., ngày ... tháng ... năm
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu

ÔNG
NG.